TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 258/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 19/8/2020
V/v tranh chấp *"Xin ly hôn, nuôi con chung"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kiều Oanh;
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Văn Nhiệm;
2. Bà Trần Thu Hồng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang: Không tham gia.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2020/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp *"Xin ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Trần Thị Kim L, sinh năm 1981.**
Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyệ n G, tỉnh Tiền Giang.
2. Bị đơn: **Anh Nguyễn Công T, sinh năm 1978.**
Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyệ n G, tỉnh Tiền Giang.
(Chị L có đơn xin vắng mặt, anh T vắng mặ t)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị Trần Thị Kim L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong quá trình giải quyết chị L trình bày:*

Chị và anh T chung sống với nhau từ năm 2000 do quen biết và có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang ngày 21/3/2000. Quá trình chung sống hạnh phúc, nhưng anh T có tính cờ bạc, ham chơi nên gây nợ, không chăm lo cuộc sống gia đình. Do đó hai anh chị thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn trầm trọng. Đến khoảng đầu năm 2019, anh T đã bỏ đi làm ăn xa, không trở về nhà từ đó cho đến nay, anh T cũng không liên lạc gì với chị. Do đó, chị

xác định hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị xin ly hôn với anh T.

Quá trình chung sống, anh chị có hai con chung tên Nguyễn Công T, sinh ngày 29/01/2001 và Nguyễn Trần Phương T, sinh ngày 15/11/2008. Hiện nay cháu T đang sống với chị L, chị L yêu cầu tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Cháu T đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị không trình bày gì thêm khác.

* *Bị đơn anh Nguyễn Công T* đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công bố, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung của chị Trần Thị Kim L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng, Chị Trần Thị Kim L có đơn xin vắng mặt, anh Nguyễn Công T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để dự phiên tòa, nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thảo luận của Hội đồng xét xử. Hội đồng xét xử xác định quan hệ các bên đang tranh chấp là: "*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung"* cần được xem xét, giải quyết theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T cưới nhau, đăng ký kết hôn vào ngày 21/3/2000, tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang, anh chị tiến đến hôn nhân là do tự nguyện. Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án chị L cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh chị sống chung không hòa hợp và mâu thuẫn về vấn đề tình cảm, tiền bạc. Tòa án triệu tập anh chị nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa để trình bày ý kiến. Anh T cũng không gửi cho Tòa án bản trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của chị L. Điều này cho thấy rằng, anh T không quan tâm đến tình cảm vợ chồng. Ngoài ra, theo đơn xác nhận của chị L cung cấp thì anh T và chị L đã không còn sống chung. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng, giữa chị L và anh T không còn quan tâm lẫn nhau, hôn nhân của chị L và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

[4] Về con chung: Chị L và anh T có hai con chung tên Nguyễn Công T, sinh ngày 29/01/2001 và Nguyễn Trần Phương T, sinh ngày 15/11/2008. Hiện nay, cháu T đã thành niên và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết. Cháu T đang sống với chị L, chị L yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay cháu T đang sống với chị L đã ổn định trong việc sinh hoạt cũng như việc học tập, đồng thời theo nguyện

vọng cháu muốn sống chung với chị L, mặc dù anh T không có ý kiến gì nhưng Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu T cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L chưa có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí: Chị L yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 147, 238, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Kim L.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Kim L được ly hôn với anh Nguyễn Công T.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Kim L được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trần Phương T, sinh ngày 15/11/2008.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Chị L cùng các thành viên trong gia đình không được ngăn cản anh T thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai số 0016522 ngày 26/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây nên chị L đã nộp xong án phí.

Anh T không phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị L, anh T được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Kiều Oanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Dung – Thạch Tân Dân Phan Thị Kiều Oanh